TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2018/HNGĐ-ST
Ngày:08/11/2018
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Kim Sa Pha**
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Lâm Ngọc Hà
- Ông Nguyễn Văn Ngư

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Việt Trung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2018; Về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Út H, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp PB, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị Thanh N, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp PB, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12 tháng 6 năm 2018, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn anh Trần Út H trình bày:*

Anh H với chị Thạch Thị Thanh N cưới nhau năm 2001, nhưng đến ngày 06/10/2009 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới, vợ chồng cùng chung sống tại ấp PB, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; cuộc sống hôn nhân của vợ chồng trong thời gian đầu rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 02/02/2003 và Trần Thanh T, sinh ngày 08/9/2009. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thời gian gần đây bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình chị N thay đổi, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2018 cho đến nay.

Nay anh H cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị N không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thạch Thị Thanh N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện các con tên Trần Thanh Q và Trần Thanh T do anh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay và các con anh cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh nếu anh với chị N ly hôn nên anh có yêu cầu được quyền nuôi hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Thạch Thị Thanh N được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Út H và cũng như vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy tiệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Út H đối với chị Thạch Thị Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn chị Thạch Thị Thanh N. Xét thấy, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Thạch Thị Thanh N.

[2]Về nội dung: Anh Trần Út H với chị Thạch Thị Thanh N cưới nhau năm 2001, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 219/2009 – Quyển số II/2009 ngày 06/10/2009. Sau khi cưới, anh H với chị N sinh sống tại ấp PB, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và cuộc sống hôn nhân cũng hạnh phúc, vợ chồng có với nhau 02 con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 02/02/2003 và Trần Thanh T, sinh ngày 08/9/2009. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 05/2018 thì cuộc sống hôn nhân bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh H cho rằng do chị N thay đổi tính tình làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay anh H thấy quan hệ hôn nhân giữa anh với chị N không thể hàn gắn được, hai người không còn tình cảm với nhau vì trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên không có nguyện vọng để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cuộc sống gia đình và các con nên anh H nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn với chị Nguyên theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, anh Trần Út H với chị Thạch Thị Thanh N cưới nhau năm 2001, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 219/2009 – Quyển số II/2009 ngày 06/10/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị N là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân của họ có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không được hàn gắn, dẫn đến việc chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên đều không có thiện chí hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo xây dựng gia đình và chăm sóc con cái. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh H với chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay anh Trần Út H cương quyết xin ly hôn với chị Thạch Thị Thanh N nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Út H đối với chị Thạch Thị Thanh N.

[4] Về con chung: Anh Trần Út H với chị Thạch Thị Thanh N có 02 con chung tên tên Trần Thanh Q, sinh ngày 02/02/2003 và Trần Thanh T, sinh ngày 08/9/2009 hiện do anh H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và các cháu Q, T đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh H sau khi cha mẹ ly hôn, còn chị N không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu về quyền nuôi con của anh H và cũng như không có yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Nên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn với chị N là phù hợp với điều kiện thực tế và theo nguyện vọng của hai cháu Q và T là đúng quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Trần Út H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 anh Trần Út H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Anh Trần Út H được ly hôn với chị Thạch Thị Thanh N.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Trần Thanh Q, sinh ngày 02/02/2003 và Trần Thanh T, sinh ngày 08/9/2009 cho anh Trần Út H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Thạch Thị Thanh N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Chị Thạch Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Trần Út H không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Út H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001263 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, anh H đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha